HAMBOORG.CITY

Nền tảng miễn phí cho người nước ngoài tại Đức

✓ Trợ lý 24/7 bằng ngôn ngữ của bạn
✓ Máy quét tài liệu chính thức
✓ Nhắc nhở về thời hạn
✓ Máy tính trợ cấp

hamboorg.city — là và sẽ luôn MIỄN PHÍ

Học tập tại Đức — Đăng ký, Chi phí và Mẹo cho Người nước ngoài

Hướng dẫn học tập tại Đức: các loại trường đại học, điều kiện nhập học, chi phí, tài chính và thủ tục cấp phép lưu trú.

Deutsche Begriffe: Studium | Universität | Fachhochschule | Immatrikulation | Semesterbeitrag | BAföG | Studentenvisum

---

Tại sao nên học tập tại Đức?

Đức là một trong những quốc gia học tập phổ biến nhất trên thế giới — và có những lý do chính đáng:

- **Không có học phí** tại các trường đại học công lập (chỉ có Semesterbeitrag)
- **Chất lượng cao** — nhiều đại học trong bảng xếp hạng quốc tế
- **Chương trình học quốc tế** — hơn 1.800 chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh
- **Quyền lưu trú** — sau khi tốt nghiệp, được phép tìm việc 18 tháng
- **Thị trường lao động tốt** — thiếu hụt nhân lực chuyên ngành ở nhiều lĩnh vực

Các loại trường đại học

Universität (Đại học)

- **Định hướng nghiên cứu** — nhiều lý thuyết, làm việc khoa học
- **Bằng cấp:** Cử nhân (6–8 học kỳ), Thạc sĩ (2–4 học kỳ), Tiến sĩ (Dr.)
- **Chuyên ngành:** tất cả các lĩnh vực, bao gồm Y học, Luật, Sư phạm
- Ví dụ: TU München, Uni Heidelberg, Humboldt-Universität Berlin

Fachhochschule (FH) / Hochschule für angewandte Wissenschaften (HAW)

• **Định hướng thực tiễn** — nhiều dự án, thực tập bắt buộc

• **Bằng cấp:** Cử nhân, Thạc sĩ

• **Chuyên ngành:** Kỹ sư, Kinh tế kinh doanh, Tin học, Công tác xã hội, Thiết kế

• Các lớp nhỏ hơn, hỗ trợ cá nhân tốt hơn

Duales Studium (Học và làm việc song song)

• Sự kết hợp **học tập và làm việc** tại công ty

• **Lương** từ nhà tuyển dụng (800–1.500 €/tháng)

• Khối lượng công việc lớn, nhưng **thực tiễn từ ngày đầu**

Nhập học và Đăng ký

Điều kiện tiên quyết

1. Chứng chỉ trình độ vào đại học (HZB) — bằng cấp trung học của bạn phải được công nhận

• Kiểm tra trên **anabin.kmk.org** xem bằng của bạn có được công nhận không

• Nếu không: **Studienkolleg** (1 năm chuẩn bị + kỳ thi xác định)

2. Chứng minh năng lực ngôn ngữ

• Chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Đức: **TestDaF** (TDN 4) hoặc **DSH** (Mức 2)

• Chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Anh: **IELTS** (6.0–6.5) hoặc **TOEFL** (80–100)

3. Có thể có bài kiểm tra tuyển dụng — ví dụ: Y học (TMS), Mỹ thuật (Portfolio), Âm nhạc (Biểu diễn)

Hạn chót đăng ký

Học kỳ	Hạn chót
Wintersemester (Tháng 10)	15 tháng 7 (thường là 15 tháng 6 cho những người nộp đơn quốc tế)
Sommersemester (Tháng 4)	15 tháng 1

Nơi nộp đơn

• **uni-assist** (uni-assist.de) — trung tâm nộp đơn tập trung cho nhiều trường đại học (Lệ phí: 75 € + 30 € cho mỗi trường bổ sung)

• **Trực tiếp tại trường đại học** — một số trường tiếp nhận đơn trực tiếp

• **Hochschulstart** (hochschulstart.de) — dành cho Y học, Nha khoa, Thú y, Dược

Chi phí

Semesterbeitrag

Tại các trường đại học công lập, **không có học phí** (ngoại lệ: Baden-Württemberg tính 1.500 €/học kỳ cho sinh viên không phải EU). **Semesterbeitrag** (150–400 €) bao gồm:

• **Semesterticket** (Giao thông công cộng trong khu vực)

• **Studentenwerk** (Căng tin, tư vấn, ký túc xá)

• **AStA** (Đại diện sinh viên)

Chi phí sinh hoạt

Khoản	Chi phí/tháng
Tiền thuê nhà (Ký túc xá/Phòng chia sẻ)	300–600 €
Thực phẩm	200–300 €
Bảo hiểm y tế	110–120 € (Bảo hiểm y tế xã hội sinh viên)
Tài liệu học tập	30–50 €
Internet/Điện thoại di động	20–40 €
Giao thông (thường có trong Semesterticket)	0–50 €
Giải trí	50–100 €
Tổng cộng	**khoảng 850–1.200 €**

Tài khoản tạm khóa để tài chính

Đối với **Thị thực du học**, bạn phải chứng minh **Tài khoản bị tạm khóa** (Blocked Account) có ít nhất **11.904 €** (992 €/tháng × 12). Bạn có thể rút tối đa 992 € mỗi tháng.

Nhà cung cấp: **Expatrio**, **Fintiba**, **Deutsche Bank**

Tài chính

BAföG (Luật Hỗ trợ Đào tạo Liên bang)

• **Ai?** Sinh viên đến 45 tuổi có thị thực lưu trú nhất định

• **Bao nhiêu?** Tối đa **934 €/tháng** (Mức tối đa 2025/26)

• **Hoàn trả:** 50% là khoản vay không lãi (tối đa 10.010 €), phần còn lại là quà tặng

• **Đơn:** tại Studierendenwerk của trường đại học của bạn

Lưu ý dành cho người nước ngoài: Bạn chỉ nhận được BAföG với các thị thực lưu trú nhất định (ví dụ: Aufenthaltserlaubnis dài hạn, sau 15 tháng có Aufenthaltserlaubnis, hoặc người tị nạn được công nhận).

Học bổng

• **DAAD** (daad.de) — tổ chức cấp học bổng lớn nhất của Đức cho người nước ngoài

• **Deutschlandstipendium** — 300 €/tháng, phụ thuộc vào thành tích

• **Các quỹ** — Studienstiftung, Heinrich-Böll, Konrad-Adenauer, Friedrich-Ebert và những quỹ khác

• **Stipendienlotse** (stipendienlotse.de) — công cụ tìm kiếm học bổng

Làm thêm

• Là sinh viên, bạn có thể **120 ngày làm việc đầy đủ** hoặc **240 ngày làm việc bán thời gian** mỗi năm

• Là **Werkstudent** (tối đa 20 giờ/tuần trong thời gian học): đóng góp xã hội giảm

• **Minijob** (603 €/tháng): không có thuế, không có đóng góp xã hội cho bạn

• Trong **kỳ nghỉ học kỳ**: được phép làm việc không giới hạn

Thị thực lưu trú để học tập

Studentenvisum (§ 16b AufenthG)

• **Trước khi nhập cảnh** nộp đơn tại Đại sứ quán Đức

• **Thời lượng:** ban đầu 1–2 năm, có thể gia hạn trong thời gian học + tối đa 10 năm

• **Điều kiện:** Xác nhận nhập học, chứng minh tài chính, bảo hiểm y tế

• **Làm thêm được phép** (120/240 ngày)

Sau khi tốt nghiệp

- **18 tháng Aufenthaltserlaubnis để tìm việc** (§ 20 AufenthG)
- Sau đó: **Aufenthaltserlaubnis để làm việc** (§ 18b AufenthG)
- Sau 2 năm: Khả năng nhận **Thẻ xanh EU** hoặc **Aufenthaltserlaubnis dài hạn**

Bảo hiểm y tế

Đến 30 tuổi (hoặc học kỳ thứ 14): **Bảo hiểm y tế công lập cho sinh viên** (khoảng 110–120 €/tháng). Sau đó: Bảo hiểm tự nguyện (khoảng 200–250 €/tháng).

Mẹo: Làm rõ vấn đề bảo hiểm **trước khi nhập học** — không có chứng minh bảo hiểm y tế thì không thể nhập học!

Mẹo dành cho sinh viên nước ngoài

1. Nộp đơn sớm — đặc biệt đối với các chuyên ngành phổ biến và ký túc xá

2. Học tiếng Đức — ngay cả với các chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Anh, tiếng Đức cũng giúp trong cuộc sống hàng ngày

3. Ký túc xá — rẻ hơn chia sẻ phòng, nộp đơn tại Studierendenwerk

4. Chương trình Buddy — nhiều trường đại học cung cấp hỗ trợ cố vấn cho sinh viên quốc tế

5. AStA và Fachschaft — các nhóm sinh viên giúp giải quyết vấn đề

6. Thực tập — tận dụng thực tập bắt buộc để tích lũy kinh nghiệm công việc